TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **72/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2021
V/V tranh chấp"ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Tiềm

Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp *"ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: chị A, sinh năm 1995;
Địa chỉ: ấp A1, xã A2, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: anh B, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp B1, xã B2, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A và anh B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B do mai mối và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B2, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 19/6/2017. Sau khi cưới thì chị và anh B về chung sống với gia đình của anh B, thời gian đầu

chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do chị thấy anh B không còn tình cảm gì với chị, anh B không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị và anh B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4/2021 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B, vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

Về con chung: có 01 con chung tên D, sinh ngày 10/7/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị A về thời gian kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình sống chung thì vợ chồng cũng có cự cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ngoài ra không có nguyên nhân nào khác. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như chị A trình bày là đúng. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

- Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 10/7/2018 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*", bị đơn anh B có hộ khẩu thường trú tại ấp B1, xã B2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh B chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 19/6/2017 nên hôn nhân của chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp và anh B không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B. Đồng thời, tại phiên toà thì anh B cũng đồng ý ly hôn với chị A. Xét, việc thoả thuận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên D, sinh ngày 10/7/2018, khi ly hôn chị A và anh B đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, không yêu cầu đối phương cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt về mọi mặt và điều kiện phát triển của con chung sau này. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của hai bên tại phiên tòa, có căn cứ xác định chị A và anh B đều có điều kiện kinh tế để nuôi con, nhưng xét về thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có thời gian nhiều hơn so với anh B vì theo lời trình bày của anh B hiện anh làm vườn sầu riêng và đi ghe bom cát thuê trong một tháng thì anh đi khoảng mười mấy lần, những lúc anh đi làm thì mẹ anh là người chăm sóc cháu D. Hiện cháu D đang bị bệnh về mặt tâm lý nên rất cần sự gần gũi, quan tâm, chăm sóc, lo lắng nhiều hơn của người mẹ để cháu phát triển tốt hơn về sức khỏe và tinh thần. Trên cơ sở xem xét toàn diện khả năng kinh tế, môi trường sống, cũng như sự đảm bảo cho việc phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần cho cháu D. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh B yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất với nhau không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí*:* Buộc chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về con chung: Giao con chung tên D, sinh ngày 10/7/2018 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu số 0007014 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy nên chị A đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa